

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị Kim A, sinh năm 1997. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Điều H, sinh năm: 1993. (vắng mặt)

Cùng trú tại: Tổ 3, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thị Kim A trình bày:

Chị Thị Kim A và anh Điều H, sau thời gian tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tổ 3, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không lo lắng cho vợ con, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và thường xuyên đe dọa đánh chị A. Hiện nay, chị A không còn tình cảm vợ chồng với anh H, cảm thấy cuộc sống gia đình rất áp lực, không đạt được mục đích của hôn nhân. Vì vậy chị A yêu cầu tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh Điều H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị A và anh H có 02 con chung là Điều Khánh D, sinh năm 2014 và Thị Kiều N, sinh năm 2015. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị A khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt nên không thu thập được lời khai của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: về cơ bản, Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện hết các nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thị Kim A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thị Kim A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điều H, cư trú tại tổ 3, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị A, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, chị A có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh H không có mặt và không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A và anh H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị Kim A thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị A tại bản tự khai ngày 18/3/2019 cùng lời khai tại biên bản hòa giải có trong hồ sơ thấy rằng: chị A và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2014. Quá trình chung sống, do anh H ngoại tình, không lo lắng cho vợ con, thường xuyên đe dọa chị A dẫn đến chị A gặp áp lực trong cuộc sống vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh H. Tòa án đã triệu tập anh H lên làm việc nhiều lần nhưng anh H không có mặt tại Tòa án, chứng tỏ anh H không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, không thể hiện được việc anh H muốn kéo dài

cuộc sống hôn nhân với chị A. Yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị A và anh H có 02 con chung là Điều Khánh D, sinh năm 2014 và Thị Kiều N, sinh năm 2015. Khi ly hôn, chị A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, anh H không có mặt tại Tòa án để thể hiện nguyện vọng muốn nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A về việc giao cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Điều Khánh D, sinh năm 2014 và Thị Kiều N, sinh năm 2015.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: chị A khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: chị A khai không có, anh H không trình bày có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Thị Kim A và anh Điều H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2014 ngày 03/4/2014 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Điều Khánh D, sinh năm 2014 và Thị Kiều N, sinh năm 2015 cho chị Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Thị Kim A phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005180 ngày 20/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Lợi, huyện H;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải